TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ ANM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM - ST
Ngày: 23/3/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tặng và ông Nguyễn Hữu Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 02/2017/TLST- KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX – ST ngày 13 tháng 02 năm 2018 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng Đ; Trụ sở chính: 130 P, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ chi nhánh: 122 đường B, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng giám đốc (theo Quyết định ủy quyền số 122/QĐ – AB – HĐQT ngày 24/7/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam (theo Quyết định số 681/QĐ – DAB ngày 14/4/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng Đ. Ông Đỗ Xuân T ủy quyền cho ông Nguyễn Đăng P – Chức vụ: Phó phòng phát triển kinh doanh (theo Quyết định số 32/QĐ – DAB. HNM ngày 24/11/2017.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Văn X, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1978. Đều trú tại: Xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Đăng P, vắng mặt Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đăng P trình bày:

Ngày 10/12/2014, Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đã ký Hợp đồng tín dụng số K2241/1 với Ông Phạm Văn X cùng vợ là bà Phạm Thị T, theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau: Số tiền vay (vốn gốc): 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng chẵn). Lãi suất: 10,5%/năm (lãi suất có điều chỉnh theo quy định).Thời hạn vay: 09 tháng (từ 10/12/2014 đến 10/9/2015). Hình thức bảo đảm nợ vay thế chấp tài sản:

Thửa đất số 349, tờ bản đồ số PL2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 975808, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00085 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/12/2014; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 3, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam).

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số PL19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 049561, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00214 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/12/2012; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 15, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam).

Đến thời hạn trả nợ vay đã tròn 26 tháng (từ ngày 10/09/2015 đến ngày 27/11/2017) nhưng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng theo như cam kết trong Hợp đồng với số tiền phát sinh đến ngày 27/11/2017 như sau: Vốn gốc: 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng chẵn). Lãi vay trong hạn: 5.512.500 đồng (Năm triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/11/2017 là: 318.543.750 đồng (Ba trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Số tiền lãi quá hạn này sẽ được tiếp tục tính với mức lãi suất là 15,75%/năm cho đến ngày Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T thực tế thanh toán hết đầy đủ số nợ vay. Tổng cộng: 1.224.056.250 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 21 tháng 11 năm 2014, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T có đơn đề nghị Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay trong 09 tháng với mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, tài sản đảm bảo là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 188616 do UBND huyện K tỉnh Hà Nam cấp ngày 19/01/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 049561 do UBND huyện K tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/12/2012.

Ngày 10/12/2014 và ngày 23/12/2014, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản để đảm bảo vay vốn tại Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam số K2241/1/H ĐTC1 và số K2241/1/H ĐTC2 tại Văn phòng công chứng Kim Thanh.

Ngày 10/12/2014, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T ký hợp đồng tín dụng số K2241/1/NT và hợp đồng vay vốn số K2241/1 với số tiền vay 900.000.000 đồng, với thời hạn vay trong 09 tháng, lãi suất 10,5%/năm, mục đích vay Bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T ký giấy nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 26/12/2014 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T ký giấy nhận nợ số tiền 600.000.000 đồng.

Từ ngày 10/12/2014 đến ngày 20/4/2015 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T thực hiện đúng theo quy định của ngân hàng thực hiện trả lãi theo đúng quy định, nhưng bắt đầu từ tháng 5/2015 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không thực hiện theo quy định của ngân hàng, được nhắc nhở bằng điện thoại, bằng văn bản thì đến ngày 31/8/2015 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T mới thanh toán được 33.100.000 đồng, tuy nhiên từ tháng 9/2015 đến ngày 27/11/2017 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Hà Nam.

Tháng 5/2015 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T đã vi phạm hợp đồng Ngân hàng Đ đã nhiều lần gọi điện thoại nhắc nhở ông Xuân và bà T đến thanh toán lãi. Tuy nhiên ông X, bà T không thực hiện trách nhiệm nghĩa vụ đối với Ngân hàng.

Ngày 27/7/2015 Ngân hàng cử cán bộ xuống trực tiếp gia đình ông X, bà T nhắc nhở và lập biên bản làm việc với bà Phạm Thị T về việc thanh toán toàn bộ phần lãi trong hạn do chậm thanh toán đối với Ngân hàng. Bà Phạm Thị T có ý kiến: Lý do 03 tháng vừa qua tôi làm ăn bị rủi ro nên tôi bị hụt về phần kinh tế, tôi xin đề nghị Ban lãnh đạo Ngân hàng cho tôi thời gian là một tuần nữa tôi sẽ thanh toán số tiền lãi, cùng số tiền gốc đến hẹn tôi xin thanh toán hợp đồng đầy đủ, tôi xin cam kết thực hiện theo quy định của Ngân hàng Đ về vay tín dụng tại ngân hàng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước ngân hàng và trước pháp luật. Tuy nhiên bà T không thực hiện theo cam kết.

Ngày 03/8/2015 Ngân hàng Đ có biên bản làm việc với Ông Phạm Văn X về việc thanh toán nợ tại Ngân hàng Đ. Ông Phạm Văn X có ý kiến: Tôi là chủ hộ vì điều kiện mưa gió tôi chưa bán máy được tôi hẹn đến ngày 06/8/2015 tôi bán hàng xong tôi mang trả lãi Ngân hàng Đ, tôi mong Ngân hàng Đ thông cảm cho tôi.

Ngày 25/8/2015 Ngân hàng Đ có gửi thông báo nợ đến hạn. Tuy nhiên Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không đến thanh toán.

Ngày 31/8/2015 Ngân hàng Đ có biên bản làm việc với Ông Phạm Văn X về việc thông báo khoản nợ vay của ông và bà T theo Hợp đồng K2241/1 sẽ đến hạn vào ngày 10/9/2015 đồng thời yêu cầu ông X và bà T thanh toán toàn bộ lãi chậm trả và thu xếp trả nợ gốc đúng thời hạn theo Hợp đồng đã ký. Ông Phạm Văn X có ý kiến: Thanh toán lãi ngày 31/8/2015 ông đã biết thông tin đến hạn của Hợp đồng vào ngày 10/9/2015 hiện tại hoạt động khó khăn do chưa thu hồi nợ nên chậm trả lãi, ông X cam kết trước ngày 08/9/2015 sẽ làm việc và đề xuất

cụ thể với Ngân hàng về việc trả nợ gốc của Hợp đồng, song ông X không thực hiện cam kết.

Ngày 04/11/2015 Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đã có biên bản làm việc với bà Phạm Thị T về việc đề nghị thanh toán toàn bộ khoản vay. Bà T có ý kiến: tôi đã nhận được thông báo nợ quá hạn của Ngân hàng, chúng tôi xin cam kết nộp lãi ngày 20/11/2015 đồng thời cho chúng tôi xin trả nợ gốc vào ngày 15/12/2015, nếu quá hạn chúng tôi đồng ý giao tài sản cho Ngân hàng niêm phong để bán. Đến đầu năm 2016 bà Phạm Thị T đã đi khỏi nơi cư trú tại xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam sang Đài Loan lao động. Từ đó đến nay không biết địa chỉ cụ thể của bà T ở đâu, đang làm gì tại Đài Loan, đồng thời Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam cũng đã yêu cầu Ông Phạm Văn X cung cấp địa chỉ của bà T xong ông X cũng không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của bà T tại Đài Loan.

Ngày 31/5/2016 Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam có biên bản làm việc với Ông Phạm Văn X về việc đề nghị ông và bà T thanh toán khoản vay cho Ngân hàng. Ông X có ý kiến: xin giải chấp 01 tài sản thế chấp đảm bảo món vay 600.000.000đ theo hình thức nộp 600.000.000đ tiền gốc và nộp lãi theo tỷ lệ bảo đảm của tài sản và xin giảm lãi phạt. Tuy nhiên ông X vẫn tiếp tục không thực hiện.

Quan điểm của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T thanh toán toàn bộ số vốn gốc và lãi vay cho Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Hà Nam theo đúng nội dung Hợp đồng vay đã ký, số tiền phải trả là: Vốn gốc 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng chẵn). Lãi trong hạn tính đến ngày 23/3/2018 là: 5.512.500đ (Năm triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 23/3/2018 là: 364. 218. 750 (Ba trăm sáu mươi tư triệu hai trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Số tiền lãi quá hạn sẽ được tiếp tục tính với lãi suất là 15,75%/năm cho đến ngày Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T thanh toán hết đầy đủ số nợ vay. Tổng cộng đến 23/3/2018 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải trả là 1.269.731.250đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).Trong trường hợp Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không thanh toán nợ cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án xử phát mại tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số: BM 049561, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00214 do UBND huyện K cấp ngày 18/12/2012 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số: BT 975808, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00085 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/12/2014 thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T để trả nợ cho Ngân hàng theo các điều khoản được ký tại hợp đồng thế chấp bất động sản số K2241/1/HĐTC1 đã ký ngày 23/12/2014 được công chứng số 1165/2014/HĐTC – quyển số: 05/TP/CC-SCC/HĐGD và Hợp đồng thế chấp bất động sản số K2241/1/HĐTC2 ký ngày 10/12/2014 được công chứng số 1103/2014/HĐTC – Quyển số: 05/TP/CC-SC/HĐGD, ký tại văn phòng công chứng Kim Thanh theo đúng quy định của pháp luật.

Theo bản tự khai của Ông Phạm Văn X: Ngày 21/11/2014 ông và bà Phạm Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số K2241/1 với số tiền vay gốc là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Lãi xuất 10,5% năm. Thời hạn vay 09 tháng kể từ ngày 10/12/2015 đến 10/9/2015. Khi vay ông và bà T có thế chấp tài sản gồm: Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 349, tờ bản đồ số PL2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 975808, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00085 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/12/2014; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T. Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số PL19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 049561, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00214 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/12/2012; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T. Trong quá trình kinh doanh, gia đình ông gặp khó khăn, mua gỗ không đúng chủng loại, sản xuất không bán được, trong thời gian kinh doanh khó khăn, ông xuống Ngân hàng đề nghị trả nợ một khế ước 600.000.000đ nhưng nhân viên nói phải trình Giám đốc Ngân hàng và ông cũng đã làm giấy gia hạn và giảm lãi xuất. Do không trả được nợ ngân hàng, nên vợ ông bà Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú và chỗ ở xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam đã bỏ nơi thường trú sang Đài Loan lao động từ tháng 1/2016 hiện tại ông cũng không biết bà T địa chỉ cụ thể làm gì ở Đài Loan, thỉnh thoảng bà T chủ động liên hệ về cho ông, xong cũng không cung cấp địa chỉ, làm gì ở đâu cụ thể. Điện thoại bà Thắng chủ động điện cho ông nay số này mai số khác, không có số cố định nên ông X không chủ động điện lại cho bà được. Khi bà T điện về ông cũng thông báo cho bà biết Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã thông báo thụ lý vụ án, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, thẩm định tại chỗ đất đai và tài sản thế chấp của ông bà với ngân hàng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, việc vay nợ của vợ chồng ông bà với Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam nhưng bà T cũng không về, hoặc không có quan điểm gì về giải quyết vụ án. Nay ông xin đứng ra chịu trách nhiệm thanh toán việc vay nợ cùng tài sản thế chấp với Ngân hàng Đ. Ngày 9/3/2018 ông có đơn xin trả nợ ngân hàng từ ngày 13/3/2018 đến 16/3/2018 với số tiền 350.000.000đ và xin được trả vào cuối năm 2018 là 100.000.000đ còn 450.000.000đ gốc trả trong năm 2019, 2020, 2021 còn lãi suất ông xin được giảm và xin lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất số BT 975808 ngày 17/12/2014 tại xóm 15, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đã có Công văn số 15/CV về việc "Làm rõ thông tin khoản vay của Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T" theo đó đến ngày 12/3/2018 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền: 1.265.400.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi năm triệu bốn trăm nghìn đồng) gồm các khoản. Tiền gốc: 900.000.000đ, tiền lãi trong hạn 5.512.500đ, tiền lãi quá hạn 359.887.500đ.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đã có Công văn số 16/Cv về việc "Làm rõ thông tin khoản vay của Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T" theo đó đến ngày 23/3/2018 Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền: 1.269.731.250 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm năm

mươi đồng) gồm các khoản. Tiền gốc: 900.000.000đ, tiền lãi trong hạn 5.512.500đ, tiền lãi quá hạn 364.218.750đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo Điều 51, Điều 208, 209, 210, 211, Điều 239, 243, 249, 250, 251, 252 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng thẩm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Ông X cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T đi lao động ở Đài Loan nên không thể có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án bà T không cung cấp địa chỉ cho Tòa án, không thực hiện các yêu cầu của Tòa án và không ủy quyền cho ông X tham gia tố tụng nên bà phải chịu hậu quả của việc cố tình giấu địa chỉ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam số tiền gốc là 900.000.000đ, lãi trong hạn 5.512.500đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 23/3/2018 là 364.218.750đ; tổng số tiền là 1.269.731.250đ

Về xử lý thế chấp: Trường hợp Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 349, tờ bản đồ số PL2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 975808 cấp ngày 17/12/2014 và thửa đất số 93, tờ bản đồ số PL19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 049561 cấp ngày 18/12/2012 chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T cùng tọa lạc tại xã T, huyện K tỉnh Hà Nam để thu vốn theo theo quy định của pháp luật. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải chịu là 50.091.937đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp Hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã xác định trong đơn khởi kiện của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đã xác định bị đơn Ông Phạm Văn X, sinh năm 1976. Chứng minh thư nhân dân số:168229074 do Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/10/2014 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1978. Chứng minh thư nhân dân số: 168169393 do

Công an tỉnh Hà Nam cấp ngày 29/07/2003. Ông X và bà T đều có hộ khẩu thường trú tại: xóm 3, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Do làm ăn thua lỗ không trả được nợ, bà Phạm Thị T đã bỏ nơi thường trú từ đầu năm 2016 sang Đài Loan lao động, từ khi bỏ đi Đài Loan lao động bà T không thông báo cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam được biết địa chỉ cụ thể và hiện đang làm gì tại Đài Loan, ông X là chồng cũng không biết bà T cụ thể địa chỉ và làm công việc gì tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã giao trách nhiệm cho ông X cung cấp địa chỉ của bà T, giao trách nhiệm cho ông X thông báo thụ lý vụ án, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định tiến hành thẩm định tại chỗ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông X đã thông báo cho bà T được biết khi bà T điện về cho ông, xong bà T cũng không có ý kiến gì với Tòa án và cũng không về Tòa án, không cung cấp địa chỉ vì sợ liên quan đến công việc lao động của bà tại Đài Loan đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam cũng có Công văn số 24/CV- TA ngày 01/12/2017 và Công văn số 30/CV- TA ngày 05/01/2018 gửi Cục xuất nhập cảnh Bộ công an và Phòng bảo vệ chính trị nội bộ Công an tỉnh Hà Nam đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bà Phạm Thị T. Tại Công văn số 07/PA61 (XNC) của Phòng bảo vệ chính trị Công an tỉnh Hà Nam xác định: Ngày 09/01/2016 bà Phạm Thị T đã sử dụng hộ chiếu B0082120 xuất cảnh khỏi Việt Nam đi Đài Loan. Ngày 29/3/2016 bà T sử dụng hộ chiếu số C0949403 xuất cảnh Việt Nam. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Qua xác minh chính quyền địa phương cũng không biết bà T làm gì, địa chỉ cụ thể ở đâu. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã tiến hành việc niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐ – TA ngày 13/02/2018 vụ án được xét xử vào hồi 7h30’ ngày 12/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ – TA ngày 12/3/2018 tiếp tục việc xét xử vào hồi 7h30’ ngày 23/3/2018 nhưng bà T vẫn không có mặt tại phiên tòa. Từ những phân tích như đã nêu trên trường hợp vắng mặt của bà T được coi là cố tình dấu địa chỉ phù hợp với Điều 5 và Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số Quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp lại đơn khởi kiện thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Ngày 21/11/2014, Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đã ký Hợp đồng tín dụng số K2241/1 với Ông Phạm Văn X cùng vợ là bà Phạm Thị T, theo nội dung Hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận như sau:

Số tiền vay (vốn gốc): 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng chẵn). Lãi suất: 10,5%/năm (lãi suất có điều chỉnh theo quy định).Thời hạn vay: 09 tháng (từ 10/12/2014 đến 10/9/2015).

Các khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm:

Thửa đất số 349, tờ bản đồ số PL2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 975808, số vào sổ cấp giấy

chứng nhận: CS00085 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/12/2014; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 3, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam).

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số PL19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 049561, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00214 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/12/2012; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 15, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam).

Trong quá trình vay từ ngày 10/12/2014 đến ngày 10/09/2015, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T đã trả được Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền lãi trong hạn là 63.612.250đ

Như vậy tính đến ngày 23/3/2018, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền: 1.269.731.250 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bẩy trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) gồm các khoản. Tiền gốc: 900.000.000đ, tiền lãi trong hạn 5.512.500đ, tiền lãi quá hạn 364.218.750đ.

Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam đã nhiều lần yêu cầu nhưng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ với lý do làm ăn thua lỗ không có khả năng thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam buộc ông X và bà T trả nợ số tiền trên, nếu không trả thì Ngân hàng sẽ phát mại tài sản thế chấp để thu hồi vốn là phù hợp pháp luật dân sự.

Tại phiên tòa ngày 23/3/2018, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam ông Nguyễn Đăng P có quan điểm không chấp nhận đề nghị của ông X xin được thanh toán số tiền 350.000.000đ từ ngày 13/3/2018 đến ngày 16/3/2018 tuy nhiên đến ngày xét xử ông X cũng chưa thanh toán khoản tiền trên và đề nghị xin lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất BT 975808, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00085 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/12/2014; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 3, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam) và sau khi trả 350.000.000đ thì cuối năm ông X trả 100.000.000đ còn 450.000.000đ tiền gốc trả hết vào năm 2021. Nay đề nghị Tòa án tỉnh Hà Nam buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2018 với tổng số tiền là 1.269.731.250 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bẩy trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng) gồm các khoản. Tiền gốc: 900.000.000đ, tiền lãi trong hạn 5.512.500đ, tiền lãi quá hạn 364.218.750đ và duy trì thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông X và bà T đã ký với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam để thi hành án.

Ngày 06/01/2018 Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản

của Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T tại xóm 3 và xóm 15, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam và đã nộp số tiền 3.000.000đ dự phí lệ phí thẩm định. Ngày 16/01/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ theo Đơn yêu cầu của phía Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam, cùng ngày Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành quyết toán đối với số tiền 3.000.000đ nêu trên. Nay đại diện Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đề nghị Tòa án tỉnh Hà Nam buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải chịu.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận thì Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi vốn.

Về án phí Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về về giải quyết vụ án. Do vậy Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam không phải chịu, Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 463, 466, 468 và Điều 470 điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a, g khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 4, Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án lệ số 08/AL ngày 17/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam.

2. Công nhận Hợp đồng tín dụng số K2241/1 ngày 10/12/2014 giữa Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam với Ông Phạm Văn X cùng vợ là bà Phạm Thị T là hợp pháp.

3. Buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh Hà Nam số tiền còn nợ gồm:

- Tiền gốc: 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

- Tiền lãi trong hạn: 5.512.500đ (Năm triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

- Tiền lãi quá hạn: 364.218.750đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu hai trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng: 1.269.731.250 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T không thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam thì Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo đối với 02 thửa đất và tài sản gồm:

Thửa đất số 349, tờ bản đồ số PL2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 975808, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS00085 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/12/2014; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 3, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam).

Thửa đất số 93, tờ bản đồ số PL19 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 049561, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 00214 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 18/12/2012; chủ sở hữu và sử dụng Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T (Tọa lạc tại Xóm 15, xã T, huyện K tỉnh Hà Nam).

5. Chi phí thẩm định tại chỗ: Yêu cầu thẩm định tại chỗ của Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam được chấp nhận, do vậy Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Số tiền này Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam.

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc Ông Phạm Văn X và bà Phạm Thị T phải nộp 50.091.937 (Năm mươi triệu không trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Hà Nam số tiền 24.071.000đ (Hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2015/0001706 ngày 13/11/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên phải chịu thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS nhân dân tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiến Hùng